TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 94/2019/KDTM-PT

Ngày: 23/8/2019

(V/v *Tranh chấp Hợp đồng phân phối hàng hóa)*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Tuyết Băng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Ông Lê Thanh Bình

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử công khai phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 78/ 2019/ TLPT-KDTM ngày 14/5/2019,về việc: *Tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ đã bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2019/QĐXXPT–KDTM ngày 12/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 241/2019/QĐPT– KDTM ngày 03/7/2019, Thông báo mở lại phiên tòa số 391/TB-TA ngày 15/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MCP

Trụ sở: Trong khuôn viên Công ty cổ phần AB , tổ 2 khu phố 1, phường AB , thành phố BH , tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trí M - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Văn phòng Luật sư NHN do ông Phạm Thanh S- Trưởng văn phòng đại diện. Ủy quyền cho bà: Nguyễn Thị Kim L - Luật sư Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội. (Có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần GLX

Trụ sở: Tầng 6, tòa nhà GLX co, số 36 HC, phường OCD, quận ĐĐ , thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc T- Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Đình V- Trưởng phòng kinh doanh tổng hợp Công ty cổ phần GLX . (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/5/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn Công ty TNHH MCP do bà Nguyễn Thị Kim L là đại diện theo ủy quyền trình bầy:

Ngày 01/2/2016, Công ty TNHH MCP (gọi tắt là Công ty MCP) và Công ty cổ phần đầu tư thương mại GLX (gọi tắt là Công ty GLX) có ký kết Hợp đồng phân phối giấy số 01.2016/PPG-MN/GELE-MCP. Theo đó, các bên thỏa thuận, Công ty MCP làm phân phối mặt hàng giấy in, photocopy và viết dạng cuộn hoặc dạng tờ tại thị trường miền Nam Việt Nam (Từ Đắc Lắc, Khánh Hòa đến Cà Mau) sản xuất tại nhà máy giấy Hòa An do Công ty GLX cung cấp với nội dung chủ yếu như sau:

- Thời hạn Hợp đồng: Từ ngày 01/02/2016 đến ngày 31/12/2016

- Phương thức giao hàng: Hàng có thể được giao thành một hoặc nhiều chuyến trên cơ sở đề nghị giao hàng bằng văn bản của Công ty MCP .

- Điều khoản về thanh toán :

+ Công ty MCP thanh toán tiền hàng chậm nhất vào ngày hàng cập cảng thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở đặt hàng xác nhận giữa hai bên. Trong trường hợp hàng cập cảng vào thứ bảy hoặc chủ nhật, thời hạn thanh toán sẽ là thứ hai của tuần kế tiếp.

+ Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ.

+ Công ty MCP được hưởng chính sách chiết khấu tháng/quý/năm của Công ty GLX khi thực hiện đạt sản lượng hai bên đã thoả thuận. Tiền chiết khấu, sau khi hai bên xác nhận, được thanh toán cho Công ty MCP và được coi như khoản tiền Công ty MCP thanh toán để lấy hàng giấy trong tháng/quý/năm kế tiếp.

Ngày 29/04/2016, Công ty MCP và Công ty GLX ký phụ lục hợp đồng số 01(kèm theo hợp đồng số 01.2016/PPG-MN/GELE-MCP ký ngày 01/02/2016). Theo đó, hai bên thống nhất sửa đổi điều khoản về sản lượng đặt hàng và tỷ lệ chiết khấu (Chính sách chiết khấu này sẽ được áp dụng bắt đầu từ đơn đặt hàng tháng 5).

Sau khi ký kết Hợp đồng phân phối giấy và Phụ lục hợp đồng nêu trên, Công ty MCP đã thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng phân phối giấy số 01.2016/PPG-MN/GELE-MCP đã ký với Công ty GLX . Cụ thể: Công ty MCP chỉ bán các sản phẩm giấy của công ty GLX tại thị trường miền Nam Việt Nam (Từ Đắc Lắc, Khánh Hòa đến Cà Mau); thanh toán

tiền hàng đầy đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận; đặt hàng và hoàn thành các đơn hàng theo cam kết.

Trong đó:

+ Tiền hàng là: 59.145.947.930 đồng

+ Thuế GTGT là : 5.914.594.793 đồng

Công ty GLX đã chuyển trả tiền mua giấy còn dư theo Hợp đồng cho MCP (theo giấy chuyển khoản ngày 28/01/2016 và ngày 03/02/2016 của Công ty GLX), số tiền là: 3.336.719.460 đồng .

Công ty MCP đã thanh toán tiền mua hàng cho Công ty GLX theo hai phương thức thanh toán là chuyển khoản và đối trừ công nợ. Cụ thể:

+ Tiền mua hàng Công ty MCP đã thanh toán cho Công ty GLX theo hình thức chuyển khoản (được ghi nhận tại các Ủy nhiệm chi thanh toán tiền mua hàng của Công ty MCP), với số tiền là: 52.152.171.539 đồng.

+ Tiền chiết khấu, giảm giá và thưởng cuối năm của Công ty MCP đã được Công ty GLX tính vào công nợ của tháng kế tiếp và đối trừ cho các đơn hàng tiếp theo của Công ty MCP theo đơn giá quy định (được ghi nhận tại các Hóa đơn giá trị gia tăng về điều chỉnh giảm giá và chiết khấu sản lượng cho đơn hàng và bản kê chi tiết kèm theo của Công ty GLX), với số tiền 5.805.998.599 đồng.

+ Tiền Công ty MCP xuất trả hàng (theo Biên bản trả hàng số 01.06/2016 -TH ngày 10/6/2016 và hóa đơn GTGT số 0000191 ngày 14/6/2016 của Công ty MCP) đã được Công ty GLX tính vào công nợ của tháng kế tiếp và đối trừ cho các đơn hàng tiếp theo của Công ty MCP : 10.701.563 đồng. Trong đó: tiền hàng 9.728.964 đồng; Thuế GTGT 972.869 đồng.

Tính đến ngày 30/11/2016, số công nợ (bao gồm: tiền lấy hàng còn dư + tiền chiết khấu) của Công ty GLX tại Công ty MCP là 2.053.565.223 đồng.

Đối với số công nợ nêu trên, Công ty GLX không đáp ứng tiếp hàng hóa cho Công ty MCP (và cũng không có thông báo trước bằng văn bản cho Công ty MCP) trong khi Công ty MCP đã nhiều lần đề nghị muốn
tiếp tục lấy hàng. Do đó, Công ty MCP đã nhiều lần đề nghị Công ty GLX thanh toán lại số tiền nêu trên cho Công ty MCP . Tuy nhiên, cho tới thời điểm hiện tại, Công ty GLX vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty MCP .

Như vậy, Công ty GLX đã vi phạm nghĩa vụ cung cấp hàng theo thoả thuận trong Hợp đồng phân phối giấy và đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật với Công ty MCP khi Công ty GLX không tiếp tục cung cấp hàng cho Công ty MCP và cũng không có thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng phân phối giấy đã ký kết với Công ty MCP (trước ngày chấm dứt Hợp đồng ít nhất 60 ngày theo quy định tại khoản 1, Điều 177 Luật Thương mại 2005).

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MCP , kính đề nghị Tòa án:

1. Buộc Công ty cổ phần GLX thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 2.053.565.223 (bao gồm: tiền lấy hàng còn dư + tiền chiết khấu) và khoản lãi phát sinh

đối với số tiền trên tạm tính từ ngày 01/12/2016 (ngày Công ty cổ phần GLX vi phạm nghĩa vụ) đến ngày 31/5/2018 là số tiền 224.249.322 đồng cho Công ty MCP .

2.Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 31/5/2018 cho đến khi Công ty cổ phần GLX thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Công ty MCP .

Ngoài ra, Công ty MCP không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng có trong hồ sơ vụ án bị đơn Công ty cổ phần GLX do ông Tô Đình V và ông Tô Hoàng P là đại diện theo ủy quyền trình bầy:

Công ty cổ phần đầu tư thương mại GLX (gọi tắt là Công ty GLX) là nhà phân phối đặc thù của Công ty Cổ Phần GAH ("***AH*** "). Trên cơ sở quyền được phân phối các sản phẩm giấy của AH , Công ty GLX đã ký với Công ty TNHH MCP (sau đây gọi tắt là Công ty MCP) các hợp đồng phân phối giấy sau:

Năm 2015, ký 04 hợp đồng: Hợp đồng mua bán giấy số 20.01.2015/HĐG/GELE-MCP; Phụ lục Hợp đồng mua bán giấy số 20.1/2015/HĐG/GELE-MCP ký ngày 22/01/2015; Hợp đồng mua bán giấy số 4.2/2015/HĐG/GELE-MCP ký ngày 4/02/2015; Hợp đồng mua bán giấy số 6.3/2015/HĐG/GELE-MCP ký ngày 6/03/2015; Hợp đồng mua bán giấy số 01/2015/HĐG/GELE-MCP ký ngày 28/03/2015.

Năm 2016, ký 01 hợp đồng và 01 phụ lục: Hợp đồng phân phối giấy số 01/2016/PPG – MN/GELE – MCP ngày 01/02/2016 (Hợp đồng 01/2016); Phụ Lục Hợp Đồng 01/2016 ngày 29/4/2016.

Năm 2017, ký 01 hợp đồng: Hợp đồng phân phối giấy số 01.2017/PPG-MN/GELE-MCP ký ngày 12/01/2017 (*Hợp Đồng 01/2017*);

Các bên đã thực hiện xong các hợp đồng ký năm 2015, Hợp Đồng 01/2017 ký nhưng Công ty MCP không thực hiện và Hợp Đồng 01/2016 hiện đang có tranh chấp. Theo Hợp Đồng 01/2016, Công ty MCP nhận làm nhà phân phối mặt hàng giấy in, photocopy và viết dạng cuộn hoặc dạng tờ sản xuất tại nhà máy GAH tại thị trường Miền Nam Việt Nam (*từ Đắc Lắc, Khánh Hòa đến Cà Mau)* trong thời hạn kể từ ngày ký Hợp Đồng này cho đến hết ngày 31/12/2016. Theo Điều 3.4 Hợp Đồng 01/2016, Công ty MCP sẽ được hưởng chiết khấu theo các mức quy định tại Điều 3.3 Hợp Đồng 01/2016 và Phụ Lục Hợp Đồng 01/2016 sửa đổi khoản 3.3 – Điều 3 Hợp Đồng 01/2016 nếu "*hoàn thành chỉ tiêu sản lượng như sau":*

+ *Được hưởng Chiết khấu tháng: Nếu* Công ty MCP *hoàn thành tối thiểu 80% sản lượng đặt hàng sản xuất mới trong tháng đặt hàng. Nếu không đạt mức tối thiểu thì* Công ty MCP *chỉ được xét hưởng chiết khấu ở mức sản lượng thấp nhất 250 tấn.*

+ *Được hưởng Chiết khấu quý: Nếu* Công ty MCP *hoàn thành tối thiểu*

100% sản lượng đặt hàng sản xuất mới trong quý đặt hàng.

+ Được hưởng Chiết khấu năm: Công ty MCP *đặt hàng tối thiểu 10 tháng/năm và hoàn thành 100% sản lượng đặt hàng của các quý mới được xét hưởng chiết khấu năm.*

Trong trường hợp Công ty MCP *không thực hiện hết 100% sản lượng đặt hàng trong kỳ thì* Công ty MCP *phải thanh toán đủ giá trị tiền hàng của phần chưa lấy hết và có thể gửi hàng tại kho* Công ty GLX *trong vòng 30 ngày.*

Như vậy để xác định Công ty MCP có được hưởng chiết khấu hay không thì sẽ căn cứ vào hai cơ sở chính: (i) Đơn đặt hàng sản xuất mới trong tháng đặt hàng; (ii) Tỷ lệ % sản lượng hàng Công ty MCP thực nhận theo đơn đặt hàng sản xuất mới trong tháng đặt hàng.

Thực hiện Hợp Đồng 01/2016 và Phụ Lục Hợp Đồng 01/2016, *Công ty MCP* đã đặt hàng và thực nhận hàng như sau:

Tháng	Đơn Đặt Hàng Mới	Tổng Số Lượng Hàng Đặt Mới (Tấn) [1]	Hàng Thực Nhận Theo Đơn Đặt Hàng SX Mới Trong Tháng Đặt Hàng (Tấn)
2	- Đơn đặt hàng số 01022016 ngày 1/2/2016	1.000	76,256
3	- Đơn đặt hàng số 01032016 ngày 1/3/2016 - Đơn đặt hàng số DHN032016016 ngày 21/3/2016	1.025	226,322
4	- Đơn đặt hàng số DHN032016011 ngày 15/3/2016 - Đơn đặt hàng số 032016025 ngày 25/3/2016 - Đơn đặt hàng số DHN042016008 ngày 12/4/2016	845	107,283
5	- Đơn đặt hàng số DHN052016014 ngày 26/5/2016	90	65,860
6	- Đơn đặt hàng số DHN052016016 ngày 31/5/2016	10	7,764

Công ty MCP đặt nhiều chủng loại hàng hóa trong một đơn đặt hàng và chỉ nhận một phần trong tháng đặt hàng, phần còn lại lấy trong các tháng tiếp theo. *Như vậy, đối chiếu thực tế số lượng hàng* Công ty MCP *thực nhận với các đơn đặt hàng mới từng tháng trong năm 2016 và điều kiện hưởng chiết khấu quy định tại Điều 3.3 Hợp Đồng 01/2016,* Công ty MCP *không đủ điều kiện để hưởng chiết khấu quý và năm 2016, chỉ được hưởng chiết khấu tháng là 4,7%.*

Tuy nhiên, do việc tính toán chiết khấu không căn cứ vào quy định của Hợp Đồng 01/2016 nên Kế toán của Công ty GLX đã xác định không chính xác khoản chiết khấu mà Công ty MCP được hưởng dẫn đến việc Công ty GLX xuất các hóa đơn VAT ghi nhận khoản chiết khấu Công ty MCP được hưởng là 5.237.708.682 VNĐ.

Quan hệ giữa Công ty MCP và Công ty GLX theo Hợp Đồng 01/2016 là quan hệ hợp đồng phân phối hàng hóa nên việc lấy hàng và thanh toán diễn ra liên tục và đối trừ tương ứng. Do đó, khoản tiền hàng thừa và khoản chiết
khấu không được tính như sau:

A - Đầu năm 2016 dư tiền hàng chưa nhận của Công ty MCP tạm ghi nhận là: 12.481.955.705đ.

B - GLX trả lại tiền hàng thừa cho Công ty MCP : 3.336.719.460đ.

C - Trong năm 2016 Công ty MCP đã nhận hàng (đã giảm phần trả lại): 65.049.841.160đ.

D - Công ty Giấy MCP chuyển tiền cho GLX : 52.152.171.537đ.

E - Chiết khấu được hưởng năm 2016 của Công ty MCP : 3.313.746.083đ.

F - Công ty MCP còn nợ GLX cuối kỳ (F=B+C-A-D-E): 438.687.295đ.

G – GLX đã xuất hóa đơn chiết khấu sản lượng (số sau thuế) cho Công ty Giấy MCP từ tháng 2/2016 đến tháng 12/2016 không đúng theo điều khoản được hưởng chiết khấu của hợp đồng năm 2016 là: 5.237.708.682đ

H – Số chiết khấu (số sau thuế) tính lại từ tháng 2/2016 đến tháng 12/2016 là: 2.745.456.164đ

I-Phải ghi giảm chiết khấu (số sau thuế) là: 2.492.252.518đ

Như vậy, nếu theo tính toán của Công ty GLX , Công ty MCP sẽ không còn tiền hàng thừa mà Công ty MCP còn phải trả lại tiền cho Công ty GLX do có sự không chính xác về xác định khoản chiết khấu của GLX là 438.687.295 đồng.

Theo Hợp Đồng 01/2016, Công ty MCP đặt Công ty GLX nhiều đơn đặt hàng trong đó có các đơn đặt hàng sau: Đơn đặt hàng số DHN042016008 ngày

12/4/2016; Đơn đặt hàng số DHN052016014 ngày 26/5/2016; Đơn đặt hàng số DHN032016016 ngày 21/3/2016 và Đơn đặt hàng DHN052016016 ngày 31/5/2016. Tổng số lượng hàng đặt là 758 tấn và thực tế đã lấy được 754,787 tấn.

Tuy nhiên, ngày 20/11/2016, Công ty MCP gửi Công ty GLX Công văn (*không số*) về việc *"Đơn hàng đang thực hiện"* Theo đó Công ty MCP đề nghị "Công ty MCP đã đặt 758 tấn và thực tế đã lấy được 754,787 tấn. Tuy nhiên hiện nay do kho chứa hàng của chúng tôi đang quá tải, lượng hàng tiêu thụ trong thị trường miền nam cuối năm bị chậm nên số lượng hàng còn lại của đơn hàng Công ty chúng tôi sẽ không lấy nữa và chuyển số tiền hàng còn lại của đơn hàng sang đơn hàng tháng 1 năm 2017. Kế hoạch đặt hàng của đơn hàng mới chúng tôi sẽ báo tới Quý Công ty trong thời gian sớm nhất*"*.

Theo Công văn nêu trên, mặc dù Công ty MCP đã đặt hàng Công ty GLX và Công ty GLX đã lưu kho toàn bộ số hàng này để chuẩn bị giao hàng cho Công ty MCP nhưng Công ty MCP đơn phương tuyên bố không lấy hàng và đề nghị chuyển số tiền hàng còn lại của đơn hàng sang đơn hàng tháng 1/2017. Đồng thời Công ty MCP cam kết sẽ gửi Công ty MCP kế hoạch đặt hàng của đơn hàng mới trong thời gian sớm nhất. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay Công ty MCP vẫn chưa nhận số hàng còn lại là 3,213 tấn hàng và cũng chưa gửi cho Công ty GLX bất kỳ đơn đặt hàng nào. Công ty GLX cũng chưa bao giờ gửi bất kỳ công văn nào ghi nhận nội dung "không tiếp tục cung cấp hàng cho Công ty MCP " hoặc "đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật" như theo Bản trình bày ý kiến trong quá tình tham gia tố tụng của đại diện theo ủy quyền của Công ty MCP .

Từ đó, Công ty GLX cho rằng Công ty MCP mới là bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nhận hàng và đơn phương chấm dứt Hợp đồng 01/2017.

Công ty GLX đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 19/03/2019 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ đã xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MCP đối với Công ty cổ phần GLX về việc tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa.

2. Xác nhận Công ty cổ phần GLX còn phải thanh toán cho Công ty TNHH MCP số tiền còn thiếu của Hợp đồng phân phối giấy số 01.2016/PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/2/2016 là: 2.053.565.223 đồng và lãi suất của số tiền 2.053.565.223 đồng tính từ ngày 01/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/3/2019 là: 333.818.436 đồng.

3. Buộc Công ty cổ phần GLX phải thanh toán trả cho Công ty TNHH MCP tổng số tiền là 2.387.383.659 đồng

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm ngày 01/04/2019 Công ty cổ phần GLX có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Các đương sự xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án ra thì không còn chứng cứ gì khác để nộp cho Tòa án. Các đương sự xác nhận hiện nay về các khoản tiền mà các bên đã thanh toán với nhau là đúng như các bên đã trình bày tại biên bản đối chất ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, hai bên chỉ vênh nhau về số tiền được hưởng chiết khấu, nhưng hai bên không hòa giải được với nhau và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo trình tự luật định, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Bị đơn là Công ty cổ phần GLX làm trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2].Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần GLX Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự xác nhận Hợp đồng phân phối giấy số 01.2016/PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/02/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016 giữa Công ty cổ phần GLX và Công ty TNHH MCP được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện. Hợp đồng đã đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký kết hợp đồng và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

* Tại Hợp đồng phân phối giấy số 01.2016/PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/2/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016 Công ty TNHH MCP và Công ty cổ phần GLX đã thống nhất điều khoản về sản lượng đặt hàng và tỷ lệ chiết khấu trong thời hạn kể từ ngày ký Hợp đồng cho đến hết ngày 31/12/2016. Theo quy định tại mục 3.3 Điều 3 của Hợp đồng thì : " Chiết khấu được tính trên doanh số lấy hàng trong kỳ

(Chưa có VAT) và theo các mức giữ cố định trong năm 2016 như sau:

Sản lượng tháng (Tấn)	Chiết khấu Tháng (%)	Chiết khấu quý (%)	Chiết khấu Năm (%)	Tổng chiết khấu 2016 (%)
≥ 250	4.7	1.0	0.5	0.62
≥ 500	6.7	1.0	0.5	0.82
≥ 750	7.2	1.0	0.5	0.87
≥ 1000	8.2	1.0	1.0	10.2

3.4. Chỉ tiêu hoàn thành sản lượng để hưởng chiết khấu:

- Chiết khấu tháng: Bên B hoàn thành tối thiểu 80% sản lượng đặt hàng sản xuất mới trong tháng đặt hàng. Nếu không đạt mức tối thiểu thì bên B sẽ chỉ được xét hưởng chiết khấu ở mức sản lượng thấp nhất 250 tấn.

- Chiết khấu quý : Bên B hoàn thành 100% sản lượng đặt hàng sản xuất mới trong quý đặt hàng mới được hưởng chiết khấu quý.

- Chiết khấu năm: Bên B đặt hàng tối thiểu 10 tháng/ năm và hoàn thành 100% sản lượng đặt hàng của các quý mới được xét hưởng chiết khấu năm……..

Mục 7.7 Điều 7 quy định: được hưởng chính sách triết khấu tháng/ quý/năm của bên A khi thực hiện sản lượng đã cam kết trong tháng/quý/năm theo nguyên tắc quy định ở trên….".

Ngày 29/04/2016, Công ty cổ phần đầu tư thương mại GLX và Công ty TNHH MCP ký Phụ lục hợp đồng số 01/2016 với nội dung: "… Điều chỉnh mục 3.3 Điều 3 của Hợp đồng số 012016/PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/2/2016 như sau:

Sản lượng tháng (Tấn)	Chiết khấu Tháng (%)	Chiết khấu quý (%)	Chiết khấu Năm (%)	Tổng chiết khấu 2016 (%)
≥ 500	6.7	1.0	0.5	08.2
≥ 750	7.2	1.0	0.5	08.7
≥ 1000	8.2	1.0	1.0	10.2
≥ 1.500	9.2	1.0	1.0	11.2

……

- Cách tính sản lượng hưởng mức chiết khấu trong kỳ: Mức sản lượng để xét tính tỷ lệ % chiết khấu tháng được tính theo sản lượng đặt hàng trong tháng. Mức sản lượng xét tỷ lệ chiết khấu năm là sản lượng trung bình tháng = tổng sản lượng thực hiện cả năm/11 tháng. Sản lượng để tính chiết khấu là sản lượng tại thời điểm giao nhận hàng với khách hàng. Giá trị chiết khấu = tỷ lệ chiết khấu % x Doanh số thực hiện trong kỳ …..".

* Quá trình thực hiện Hợp đồng số 01.2016/PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/2/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016, kể từ ngày 01/2/2016 đến ngày 31/5/2016 Công ty TNHH MCP đã có 8 đơn đặt hàng với Công ty cổ phần đầu tư thương mại GLX . Việc đặt hàng và lấy hàng của Công ty TNHH

MCP cụ thể như sau:

- Tháng 2: Đơn đặt hàng số 01022016 ngày 1/2/2016 đặt 1.000 tấn.

Số lượng hàng lấy tháng 2/2016 theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000872 ngày 16/2/2016 do Công ty cổ phần GLX đã xuất cho Công ty TNHH MCP là : 75,256 tấn

-Tháng 3:

+ Đơn đặt hàng số 01032016 ngày 1/3/2016 đặt 1.000 tấn;

+ Đơn đặt hàng số DHN032016016 ngày 21/3/2016 đặt 25.000 kg;

+ Đơn đặt hàng số DHN032016011 ngày 15/3/2016 đặt 170.000 kg;

+ Đơn đặt hàng số 032016025 ngày 25/3/2016 đặt 15.000 kg;

Tổng cộng số lượng đặt hàng tháng 3 là : 1.210 tấn.

Số lượng hàng lấy tháng 3/2016 theo các hóa đơn VAT số 000089; 0000898; 0000905; 0000908; 0000911; 0000916; 0000917; 0000918; 0000919; 0000925; 0000926; 0000929 là : 1.035,143 tấn.

-**Tháng 4**: Đơn đặt hàng số DHN042016008 ngày 12/4/2016 đặt 660 tấn.

Số lượng hàng lấy tháng 4/2016 theo các hóa đơnVAT số 0000943; 0000946; 0000959; 0000960; 0000962; 0000973; 0000975; 0000979; 0000976; 0000977 là: 953,267 tấn.

-Tháng 5:

+ Đơn đặt hàng số DHN052016014 ngày 26/5/2016 đặt 90.000 kg;

+ Đơn đặt hàng số DHN052016016 ngày 31/5/2016 đặt 10.000kg.

Tổng số lượng đặt hàng tháng 5/2016 là : 90 tấn

Số lượng hàng lấy tháng 5/2016 được thể hiện tại các hóa đơn VAT số 0000992; 0000993; 0000994; 0001001; 0001013; 0001014; 0001016 là: 281,465 tấn.

-Tháng 6:

+ Đơn đặt hàng số DHN052016016 ngày 31/5/2016 đặt 10.000kg.

Số lượng hàng lấy tháng 6/2016 là : 300,090 tấn được thể hiện tại 05 hóa đơn VAT số : 0001038; 0001039; 0001041; 0001051; 0001052.

-Tháng 7: Công ty TNHH MCP không có đơn đặt hàng, nhưng Công ty cổ phần GLX vẫn cấp hàng cho Công ty TNHH MCP với số lượng là : 152,223 tấn. Theo Công ty cổ phần GLX thì đây là khối lượng giấy mà Công ty TNHH MCP đặt tháng 4/2016, số lượng này được thể hiện ở các hóa đơn VAT số : 0001061; 0001066; 0001067; 0001071.

- **Tháng 8**: Công ty TNHH MCP không có đơn đặt hàng, nhưng Công ty cổ phần GLX vẫn cấp hàng cho Công ty TNHH MCP với số lượng là : 49,870 tấn, theo Công ty cổ phần GLX thì đây là khối lượng giấy mà Công ty TNHH MCP đặt tháng 4/2016 và tháng 05/2016 số lượng này được thể hiện ở hóa đơn VAT số:000103.

- **Tháng 11**: Công ty TNHH MCP không có đơn đặt hàng, nhưng Công ty cổ phần GLX vẫn cấp hàng cho Công ty TNHH MCP với số lượng là: 227,342 tấn, theo Công ty cổ phần GLX thì đây là khối lượng giấy mà Công ty TNHH MCP đặt tháng 02/2016, 03/2016, 04/2016, 05/2016 số lượng này được thể hiện ở các hóa đơn VAT số: 0001147; 0001150.

Tại phiên tòa Công ty TNHH MCP cho rằng số tiền chiết khấu, giảm giá và thưởng cuối năm của Công ty TNHH MCP đã được Công ty cổ phần GLX tính vào công nợ của tháng kế tiếp và đối trừ cho các đơn hàng tiếp theo của Công ty TNHH MCP theo đơn giá quy định (được ghi nhận tại các Hóa đơn giá trị gia tăng về điều chỉnh giảm giá và chiết khấu sản lượng cho đơn hàng và bản kê chi tiết kèm theo của Công ty cổ phần đầu tư thương mại GLX), với số tiền 5.237.361.575 đồng, nên tính đến ngày 31/11/2016 Công ty cổ phần GLX còn nợ Công ty TNHH giấy MCP số tiền 2.053.565.223đ; Công ty cổ phần GLX thì cho rằng việc kế toán của Công ty cổ phần GLX tính chiết khấu cho Công ty TNHH giấy MCP không căn cứ theo quy định của Hợp đồng số 01.2016 /PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/02/2016, phụ lục Hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016 là do nhầm lẫn, nên dẫn đến việc Công ty cổ phần GLX đã xuất hóa đơn VAT ghi nhận khoản tiền chiết khấu cho Công ty TNHH MCP là : 5.237.708.682 đồng là không đúng. Theo quy định của Hợp đồng số 01.2016 /PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/02/2016, phụ lục Hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016, thì số tiền chiết khấu mà Công ty TNHH MCP được hưởng là: 4.182.006.006 đồng. Số tiền chênh lệch thừa mà Công ty GLX đã xuất hóa đơn cho Công ty MCP là 1.005.702.676đ. Sau khi đối trừ các khoản thì Công ty cổ phần GLX chỉ còn nợ Công ty TNHH MCP số tiền là : 997.862.547 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy : Căn cứ mục 3.3, 3.4 Điều 3 của Hợp đồng số 01.2016 /PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/02/2016, phụ lục Hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016, đối chiếu số lượng hàng mà Công ty TNHH MCP đặt và thực lấy của Công ty cổ phần GLX ở trên, thì mức chiết khấu của các tháng 2, 4, 5, 6, 8, 11 năm 2016 Công ty TNHH MCP chỉ được hưởng chiết khấu là : 4,7%; Tháng 3/2016 đạt chiết khấu 8,2%; Tháng 4/2016 đạt chiết khấu 7,2%. Chiết khấu quý 1 và 3,4 năm 2016 đạt 0%; Quý 2 đạt 1%.

Như vậy, số tiền chiết khấu Công ty TNHH MCP được hưởng cụ thể là :

+ Tháng 2: 76,256 tấn x 4,7% x 1.431.858.912đ = 67.297.369 đồng

+ Tháng 3: 1.035.143 tấn x 8,2% x 19.897.527.496đ = 1.631.597.255 đồng

+ Tháng 4: 953.267 tấn x 7,2% x 18.023.180.054đ= 1.297.668.964 đồng

+ Tháng 5: 281,465 tấn x 4,7% x 5.291.739.585đ = 248.711.760 đồng

+ Tháng 6: 300,090 tấn x 4,7% x 5.610.768.210đ = 265.116.106 đồng

+ Tháng 7: 152,223 tấn x 4,7% x 2.858.291.271đ = 134.339.690 đồng

+ Tháng 8: 49,870 tấn x 4,7% x 930.910.090đ = 43.752.774 đồng

+ Tháng 11 : 227,342 tấn x 4,7% x 4.339.685.317đ = 203.965.210 đồng

Tổng Số tiền chiết khấu tháng Công ty TNHH MCP được hưởng là : 3.892.449.128 đồng.

Số tiền chiết khấu quý 2/2016 Công ty TNHH MCP được hưởng là 289.556.878 đồng.

Tổng số tiền chiết khấu Công ty TNHH MCP được hưởng theo Hợp đồng số 01.2016 /PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/02/2016, phụ lục Hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016 là :4.182.006.006 đồng.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay các đương sự xác nhận:

Công nợ tiền đặt hàng năm 2015 của Công ty TNHH MCP tại Công ty cổ phần GLX theo Thư xác nhận công nợ số 12 ngày 15/01/2016 là: 12.481.955.705đ số tiền nay đã được hai công ty ký xác nhận công nợ ngày 15/1/2016 cụ thể số tiền này đã được khấu trừ vào các khoản: Tiền hàng Công ty MCP chưa thanh toán tháng 01/2016 là : 6.646.581.788 đồng; Tiền chiết khấu tháng 1/2016 Công ty MCP được hưởng là: 568.289.919 đồng; Tiền Công ty cổ phần GLX đã chuyển trả cho Công ty TNHH MCP theo ủy nhiệm chi ngày 28/1/2016 và ngày 03/02/2016 là: 3.336.719.460 đồng. Nên số dư tiền hàng đầu tháng 2/2016 của Công ty MCP trước khi ký Hợp đồng số 01/2016/HDG/GELE-MCP là : 3.066.944.376 đồng.

Tiền hàng Công ty TNHH MCP đã mua của Công ty cổ phần GLX (được ghi nhận tại các hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng của công ty cổ phần thương mại GLX) là: 58.413.960.935 đồng (Trong đó:Tiền hàng là: 53.103.600.850đ và Thuế GTGT là : 5.310.360.085đ).

Công ty TNHH MCP đã thanh toán tiền mua hàng cho Công ty cổ phần GLX theo hai phương thức thanh toán là chuyển khoản và đối trừ công nợ. Cụ thể:

+ Tiền mua hàng Công ty TNHH giấy MCP đã thanh toán cho Công ty cổ phần GLX theo thức chuyển khoản (được ghi nhận tại các Ủy nhiệm chi thanh toán tiền mua hàng của Công ty TNHH MCP), với số tiền là: 52.152.171.539đ

+ Tiền Công ty TNHH MCP xuất trả hàng (theo Biên bản trả hàng số 01.06/2016-TH ngày 10/6/2016 và hóa đơn GTGT số 0000191 ngày 14/6/2016 của Công tyTNHH Giấy MCP) đã được Công ty cổ phần GLX tính vào công nợ của tháng kế tiếp và đối trừ cho các đơn hàng tiếp theo của Công tyTNHH Giấy MCP : 10.701.563 VND (Trong đó: tiền hàng 9.728.964 VND; Thuế GTGT 972.869 VND).

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đương sự đều xác nhận căn cứ vào khối lượng hàng đặt và số lượng lấy hàng của Công ty TNHH MCP , thì Công ty TNHH MCP không đủ điều kiện được hưởng chiết khấu quý và năm 2016. Mặt khác, các đương sự đều xác nhận từ năm 2017 cho đến nay Công ty cổ phần đầu tư thương mại GLX không cung cấp hàng cho Công ty TNHH MCP . Hai Công ty vẫn chưa thanh lý Hợp đồng số 01.2016 /PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/02/2016, phụ lục Hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016 và cũng chưa chốt công nợ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại các cấp Tòa án và tại phiên tòa các bên đương sự đã xuất trình chứng cứ và các đương sự đều thống nhất xác nhận về các khoản công nợ và các khoản tiền mà các bên phải thanh toán trả cho nhau theo hợp đồng mà hai công ty đã ký kết như đã nêu ở trên. Việc xác nhận này là sự tự nguyện của các bên đương sự không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Như vậy, có căn cứ xác định các bên đương sự không tranh chấp gì về việc công nợ cũ trước năm 2016 và số tiền thanh toán tiền hàng, đối trừ các khoản theo hợp đồng số 01.2016/PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/02/2016, phụ lục Hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016, mà các bên chỉ tranh chấp về số tiền được hưởng chiết khấu theo Hợp đồng số 01.2016 /PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/02/2016, phụ lục Hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016. Hội đồng xét xử xét thấy: việc tranh chấp số tiền chiết khấu liên quan đến Hợp đồng số 01.2016/PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/02/2016, phụ lục Hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016 mà hai bên đã ký kết, nên việc giải quyết tranh chấp phải căn cứ vào các điều khoản của hợp số 01.2016 /PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/02/2016, phụ lục Hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016.

Theo quy định tại điểm 3 Điều 20 thông tư số 17/VBNH- BTC ngày 17/6/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/1/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn hàng hóa, cung ứng dịch vụ quy định: " Trường hợp hóa đơn đã lập và giao cho người mua, đã giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ, người bán và người mua đã kê khai thuế, sau đó phát hiện sai sót thì người bán và người mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót, đồng thời người bán lập hóa đơn điều chỉnh sai sót. Hóa đơn ghi rõ điều chỉnh (tăng, giảm) số lượng hàng hóa, giá bán, thuế suất thuế giá trị gia tăng..., tiền thuế giá trị gia tăng cho hóa đơn số..., ký hiệu... Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, người bán và người mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào. Hóa đơn điều chỉnh không được ghi số âm (-)…". Như vậy khi phát hiện có việc sai sót về số tiền chiết khấu thì các bên phải điều chỉnh lại. Nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần đầu tư thương mại GLX . Buộc Công ty cổ phần GLX phải thanh toán trả cho Công ty TNHH MCP số tiền còn thiếu theo Hợp đồng phân phối giấy số 01.2016 /PPG-

MN/GELE-MCP ngày 01/02/2016 và phụ lục Hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016 là: 997.862.547 đồng.

*** Đối với yêu cầu tính lãi suất của Công ty TNHH MCP :** Quá trình giải quyết vụ án Công ty TNHH MCP yêu cầu Tòa án tính lãi suất của số tiền 2.053.565.223 (bao gồm tiền lấy hàng còn dư và tiền triết khấu) do Công ty cổ phần GLX chậm thanh toán kể từ ngày 01/12/2016 (Ngày Công ty cổ phần GLX vi phạm nghĩa vụ thanh toán) đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi xuất 7%/năm(tức là 0,583%/tháng). Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng phân phối giấy số 01.2016/PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/02/2016, phụ lục Hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016 hai bên không thỏa thuận về việc phải chịu lãi suất, nhưng theo quy định của Điều 306 luật thương mại và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Công ty TNHH MCP có quyền yêu cầu Công ty cổ phần GLX phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán. Mức lãi suất chậm thanh toán mà Công ty TNHH MCP yêu cầu Công ty cổ phần GLX phải thanh toán thấp hơn mức lãi xuất Ngân hàng Nhà nước quy định và phù hợp quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Buộc công ty GLX phải thanh toán trả cho Công ty TNHH MCP số tiền lãi của số tiền chậm thanh toán tính từ ngày 01/12/2016 đến ngày 19/3/2019(ngày xét xử sơ thẩm) là 27 tháng 19 ngày cụ thể là:

997.862.547 đồng x 27 tháng 19 ngày x 7%/năm = 160.757.948 đồng.

Từ những phân tích trên xét thấy: kháng cáo của Công ty cổ phần GLX có căn cứ nên được chấp nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên kể Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 là không chính xác, nên cần phải sửa về cách tuyên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6].Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm : Công ty TNHH MCP được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nên Công ty TNHH MCP phải chịu 48.862.894 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, Công ty TNHH MCP đã nộp 76.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007401 ngày 29/6/2018 của Chi cục thi hành án quận ĐĐ . Hoàn trả Công ty TNHH MCP 27.137.106 đồng. Công ty cổ phần GLX phải chịu 40.862.894 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Công ty cổ phần GLX không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả Công ty cổ phần GLX 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008463 ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án quận ĐĐ .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, 220, khoản 2 Điều 308; Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Các Điều 306 và 319 Luật thương mại năm 2005.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ , thành phố Hà Nội.

Xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MCP đối với Công ty cổ phần đầu tư thương mại GLX .

2. Buộc Công ty cổ phần GLX phải thanh toán trả cho Công ty TNHH MCP số tiền còn thiếu của Hợp đồng phân phối giấy số 01.2016 /PPG-MN/GELE-MCP ngày 01/02/2016 và phụ lục Hợp đồng số 01/2016 ngày 29/04/2016 là: 1.158.620.495 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn bốn trăm chín mươi năm đồng). Trong đó:

- Nợ gốc là : 997.862.547 đồng (Chín trăm chín mươi bảy triệu tám trăm sáu mười hai nghìn năm trăm bốn mười bảy đồng);

- Nợ lãi là: 160.757.948 đồng (Một trăm sáu mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng).

3. Kể từ ngày 20/3/2019 Công ty cổ phần GLX còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

4. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

5. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH MCP phải chịu 48.862.894 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, Công ty TNHH MCP đã nộp 76.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007401 ngày 29/6/2018 của Chi cục thi hành án quận ĐĐ . Hoàn trả Công ty TNHH MCP 27.137.106 đồng. Công ty cổ phần GLX phải chịu 40.862.894 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Công ty cổ phần GLX không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả Công ty cổ phần GLX 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008463 ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án quận ĐĐ .

6.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Chi cục THADS. Q ĐĐ .*
- *Tòa án ND quận ĐĐ*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Ngô Tuyết Băng